

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 29/7/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT độc lập
Trương Diệu Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2022)
Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/6/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
----------------------	---

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Số: 025/2023/BCKTHN-HT.00141

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 27/3/2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

795-
IG T
NH
A TO
IẾT
NH/
THÀ
1- T
51
K
P
E
K
T
51

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các số liệu đầu năm và năm trước là số liệu Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thêm thông tin và không so sánh được.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.659.709.526	176.543.914.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.184.635.904	432.063.604
Tiền	111		3.184.635.904	432.063.604
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.191.872.177	175.277.153.069
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	11.681.205.750	101.917.349.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.500.000	21.528.355.857
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	22.000.000.000	32.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6a	47.463.166.427	19.831.448.212
IV. Hàng tồn kho	140		-	642.896.510
Hàng tồn kho	141		-	642.896.510
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		283.201.445	191.800.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	6.600.144	1.810.579
Thuế GTGT được khấu trừ	152		276.601.301	189.990.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.995.807.577	97.937.389.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.555.836.364	1.065.276.499
Phải thu dài hạn khác	216	5.6b	25.555.836.364	1.065.276.499
II. Tài sản cố định	220		164.037.274	-
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	164.037.274	-
- Nguyên giá	222		182.263.636	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.226.362)	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	118.227.316.609	96.550.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		118.250.000.000	96.550.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.683.391)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.617.330	322.113.380
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	48.617.330	322.113.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.655.517.103	274.481.304.043

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.023.333.618	52.850.849.799
I. Nợ ngắn hạn	310		6.023.333.618	52.850.849.799
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.480.309.791	52.526.342.664
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	254.322.254	209.088.469
Phải trả người lao động	314		71.209.325	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.073.582	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	198.143.090	98.143.090
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.632.183.485	221.630.454.244
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	222.632.183.485	221.630.454.244
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.397.761.915	11.406.054.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.406.054.154	10.595.752.298
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		991.707.761	810.301.856
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.021.480	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.655.517.103	274.481.304.043

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	113.798.522.950	180.449.815.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.798.522.950	180.449.815.700
Giá vốn hàng bán	11	6.2	112.795.573.811	179.306.491.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.002.949.139	1.143.324.700
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.503.693.717	1.872.417.240
Chi phí tài chính	22		22.683.391	5.753.425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.242.953.797	1.949.739.009
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.241.005.668	1.060.249.506
Thu nhập khác	31		1.968.001	1.008.000
Chi phí khác	32	6.4	3.026.360	43.253.198
Lợi nhuận khác	40		(1.058.359)	(42.245.198)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.239.947.309	1.018.004.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	248.218.068	207.702.452
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		991.729.241	810.301.856
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		991.707.761	810.301.856
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		21.480	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	47	39

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế		1.239.947.309	1.018.004.308
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		18.226.362	-
Các khoản dự phòng		22.683.391	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.503.693.717)	(1.872.417.240)
Chi phí lãi vay		-	-
Các khoản điều chỉnh khác		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.222.836.655)	(854.412.932)
Tăng, giảm các khoản phải thu		(984.759.735)	(54.940.416.402)
Tăng, giảm hàng tồn kho		642.896.510	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46.858.031.798)	39.341.232.357
Tăng, giảm chi phí trả trước		268.706.485	363.642.733
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
Tiền lãi vay đã trả		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(207.702.451)	(26.940.120)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(48.361.727.644)	(16.116.894.364)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(182.263.636)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96.700.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		106.700.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(21.700.000.000)	(18.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		61.601.100.000	54.248.900.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.395.463.580	622.417.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		51.114.299.944	14.471.317.240

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
Tiền thu từ đi vay		-	-
Tiền trả nợ gốc vay		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.752.572.300	(1.645.577.124)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		432.063.604	2.077.640.728
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.1	3.184.635.904	432.063.604

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 29/7/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2022: không có công ty con)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 là 07 người (tại ngày 31/12/2021 là: 07 người).

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty CP Thương mại M&S	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	99,93%	99,93%	Bán buôn than mỏ các loại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1.6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, số liệu đầu năm và năm trước được trình bày là số liệu Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chỉ cho mục đích tham khảo và có thể không so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Lãi tiền gửi và đầu tư

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi

4.14 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.612.185.092	424.823.599
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.572.450.812	7.240.005
Cộng	<u>3.184.635.904</u>	<u>432.063.604</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	118.250.000.000	(22.683.391)		96.550.000.000
- Công ty CP Cyan	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)	75.000.000.000 (*)
+ Công ty CP Veridian	21.550.000.000	(1.794.831)	(*)	21.550.000.000 (*)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	21.700.000.000	-	(*)	- (*)
Cộng	118.250.000.000	(22.683.391)		96.550.000.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cyan	Đường Thanh Niên, Khố Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15,00%	15,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Veridian	Đường Thanh Niên, Thôn Hà Quảng Đông, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	15,25%	15,25%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tô Hữu, phường Trung Ván, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	5,24%	5,24%	Kinh doanh bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Ông Phạm Việt Cường	-	12.100.000
+ Ông Lê Hải Châu	-	61.589.000.000
+ Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Tùng Lâm	-	38.274.149.500
+ Công ty CP phát triển và thương mại Á Châu	2.042.099.500	2.042.099.500
+ Công ty TNHH KD TM và DV Tổng hợp Thăng Lợi	8.996.400.000	-
+ Phải thu các khách hàng khác	642.706.250	-
Cộng	<u>11.681.205.750</u>	<u>101.917.349.000</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không phát sinh

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HT Thăng Long	-	21.480.215.657
+ Trả trước cho nhà cung cấp khác	47.500.000	48.140.200
Cộng	<u>47.500.000</u>	<u>21.528.355.857</u>

5.5. Phải thu về cho vay

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn (*)	22.000.000.000	32.000.000.000
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>22.000.000.000</u>	<u>32.000.000.000</u>

(*) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/05/2022 và Phụ lục số 01 ký ngày 20/08/2022, tổng thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 6%/năm, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trời, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	47.463.166.427	-	19.831.448.212	-
+ Tạm ứng	15.019.227.943	-	1.180.180.000	-
+ Lãi cho vay phải thu	1.730.504.109	-	622.273.972	-
+ Bà Hoàng Thị Ánh Xuân	-	-	18.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	-	-	-	-
+ (i)	1.009.440.135	-	-	-
+ Bà Lương Thị Thu Dung	-	-	-	-
+ (ii)	10.000.000.000	-	-	-
+ Ông Đỗ Bảo Anh (iii)	8.975.000.000	-	-	-
+ Đặt cọc dự án Cổ Đông	-	-	-	-
+ (iv)	10.700.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
b. Dài hạn	25.555.836.364	-	1.065.276.499	-
+ Ký quỹ, ký cược	55.836.364	-	55.836.364	-
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	-	-	-	-
+ (i)	-	-	1.009.440.135	-
+ Ông Phùng Thế Tô (v)	15.500.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Foveris (vi)	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	73.019.002.791	-	20.896.724.711	-

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/09/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty vào ngày 31/12/2023.
- (ii) Phải thu bà Lương Thị Thu Dung theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng vốn số 01/2022/ĐCCNV ngày 07/10/2022. Theo đó, Công ty sẽ đặt cọc cho bà Lương Thị Thu Dung để nhận chuyển nhượng lại 45% vốn tại Công ty TNHH Levictoire mà bà Lương Thị Thu Dung nắm giữ.
- (iii) Phải thu ông Đỗ Bảo Anh theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng vốn ký ngày 26/10/2022 giữa ông Đỗ Bảo Anh và Công ty CP Thương mại M&S. Theo đó, Công ty sẽ đặt cọc cho ông Đỗ Bảo Anh để nhận chuyển nhượng lại 45% vốn góp tại Công ty TNHH Levictoire mà ông Đỗ Bảo Anh nắm giữ.
- (iv) Đặt cọc theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 10/12/2022 giữa Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam (Công ty) và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 (Lũng Lô 5). Lũng Lô 5 là chủ đầu tư của dự án Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội và mong muốn chuyển nhượng. Công ty mong muốn nhận chuyển nhượng dự án này nên thực hiện đặt cọc cho Lũng Lô 5 với giá trị là 10,7 tỷ VND để chứng minh năng lực tài chính và thực hiện nghiên cứu, tiếp cận hồ sơ dự án cũng như có thời gian đánh giá chung về thị trường bất động sản nhà vườn sinh thái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (v) Phải thu ông Phùng Thế Tô theo Hợp đồng hợp tác số 0112/HĐHT ngày 01/12/2022 giữa Công ty và ông Phùng Thế Tô. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp vốn là 15,5 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 8,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2023, Công ty được hưởng 10% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Từ năm 2024, Công ty có quyền lựa chọn phân chia lợi nhuận theo số tiền thực góp hoặc theo tỷ lệ góp vốn tính trên kết quả kinh doanh của Dự án.
- (vi) Phải thu Công ty CP Foveris (Foveris) theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022 giữa Công ty và Công ty CP Foveris. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2023, Công ty được hưởng 10% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Từ năm 2024, Công ty có quyền lựa chọn phân chia lợi nhuận theo số tiền thực góp hoặc theo tỷ lệ góp vốn tính trên kết quả kinh doanh của Dự án.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2022	-	-
Mua trong năm	182.263.636	182.263.636
Số dư 31/12/2022	182.263.636	182.263.636
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2022	-	-
Khấu hao trong năm	18.226.362	18.226.362
Số dư 31/12/2022	18.226.362	18.226.362
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	164.037.274	164.037.274

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn	6.600.144	1.810.579
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.234.504	-
+ Chi phí trả trước khác	3.365.640	1.810.579
b. Dài hạn	48.617.330	322.113.380
+ Chi phí thi công sửa chữa văn phòng	-	41.903.022
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	22.445.021	108.084.299
+ Chi phí thiết kế website	26.172.309	171.487.173
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	-	638.886
Cộng	55.217.474	323.923.959

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
+ Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
+ Công ty TNHH ĐTTM và dịch vụ Niềm Tin Việt	-	-	12.603.899.157	12.603.899.157
+ Công ty TNHH Dịch vụ và xúc tiến TM Quốc Hưng	-	-	37.929.100.000	37.929.100.000
+ Công ty CP Đầu tư và Thương mại VBS	3.405.680.000	3.405.680.000	-	-
+ Các nhà cung cấp khác	851.089.791	851.089.791	769.803.507	769.803.507
Cộng	5.480.309.791	5.480.309.791	52.526.342.664	52.526.342.664

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000
- Các nhà cung cấp khác	353.940.000	282.200.000
Cộng	1.577.480.000	1.505.740.000

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.088.469	248.218.068	207.702.451	249.604.086
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.277.693	6.559.525	4.718.168
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	209.088.469	262.495.761	217.261.976	254.322.254

5.11. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
+ Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
+ Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
+ Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
+ Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
+ Ông Trần Xuân Sơn	100.000.000	-
Cộng	198.143.090	98.143.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
NĂM TRƯỚC							
Số dư 01/01/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.595.752.298	-	220.820.152.388	
Lãi trong năm	-	-	-	810.301.856	-	810.301.856	
Số dư 31/12/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	-	221.630.454.244	
NĂM NAY							
Số dư 01/01/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	-	221.630.454.244	
Lãi trong năm	-	-	-	991.707.761	-	991.707.761	
Tặng, (giảm) khác	-	-	-	-	10.021.480	10.021.480	
Số dư 31/12/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.397.761.915	10.021.480	222.632.183.485	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b)	Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		VND	VND
	Vốn góp của các cổ đông	210.000.000.000	210.000.000.000
	Cộng	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>

b)	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	+ Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
	+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
	+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
	+ Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d)	Cổ phiếu	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		VND	VND
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
	+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	113.798.522.950	180.449.815.700
Cộng	<u>113.798.522.950</u>	<u>180.449.815.700</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan: không phát sinh		

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	112.795.573.811	179.306.491.000
Cộng	<u>112.795.573.811</u>	<u>179.306.491.000</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.503.693.717	622.417.240
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	1.250.000.000
Cộng	<u>2.503.693.717</u>	<u>1.872.417.240</u>

6.4. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	3.026.360	543.187
Chi phí khác	-	42.710.011
Cộng	<u>3.026.360</u>	<u>43.253.198</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	867.418.815	607.290.000
Chi phí vật liệu quản lý	41.903.022	348.767.048
Chi phí dụng cụ quản lý	254.615.267	-
Chi phí khấu hao bộ phận quản lý	18.226.362	-
Thuế, phí, lệ phí	4.108.800	25.601.156
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.018.974	941.364.785
Chi phí bằng tiền khác	33.662.557	26.716.020
Cộng	<u>2.242.953.797</u>	<u>1.949.739.009</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.518.289	348.767.048
Chi phí nhân công	867.418.815	607.290.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.226.362	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.018.974	941.364.785
Chi phí khác	37.771.357	52.317.176
Cộng	2.242.953.797	1.949.739.009

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thuế TNDN công ty mẹ		240.212.109	207.702.452
Thuế TNDN công ty con		8.005.959	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		248.218.068	207.702.452

6.8. Lãi trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	991.707.761	810.301.856
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	991.707.761	810.301.856
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	21.000.000	21.000.000
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	47	39
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	47	39

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con
2	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt
7	Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên quản lý chủ chốt (đến ngày 29/6/2022)
8	Bà Lê Thị Lý	Thành viên ban kiểm toán nội bộ (đến ngày 28/07/2022)

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc	101.564.815	78.630.000
Cộng		101.564.815	78.630.000

7.2 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty chỉ có doanh thu từ một ngành nghề kinh doanh là bán ngô hạt tại thị trường Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

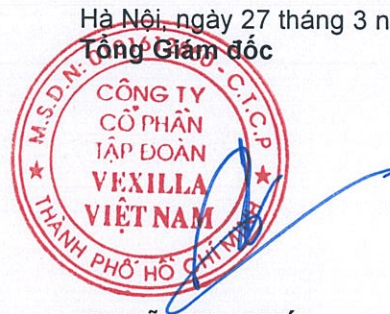
Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

